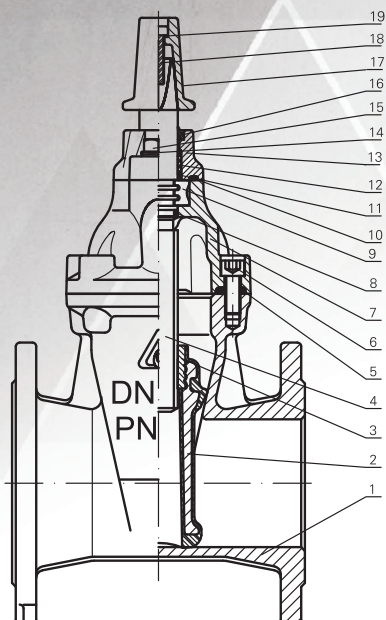
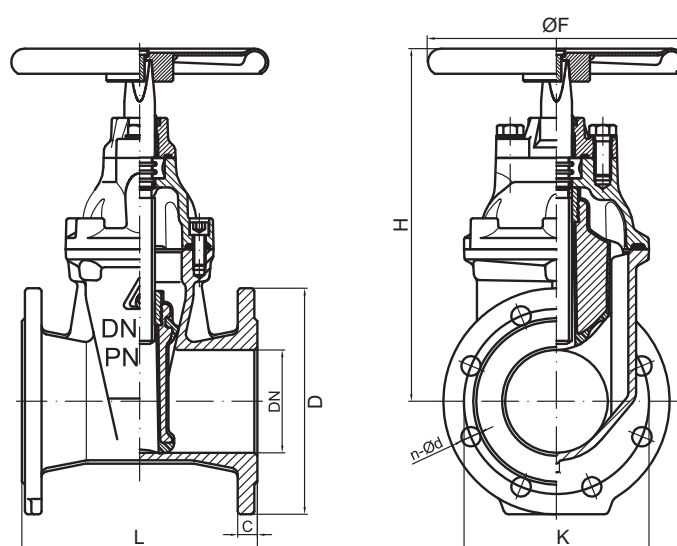
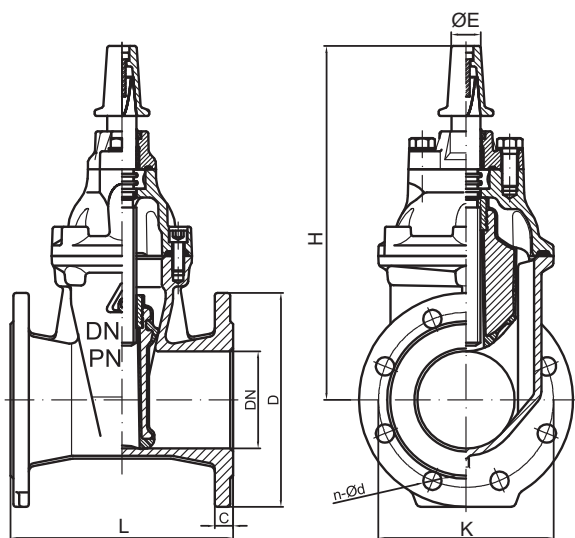


GVHX/GVCX: DETAIL DRAWING



PARTS LIST & MATERIAL

No	Part Name	Material	Material Code
1	Body	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
2	Wedge	Ductile Iron + Vulcanized Rubber	ASTM A536/EN GJS 500-7 + EPDM
3	Wedge Nut	Brass/Bronze	ASTM B824/B584
4	Stem	Stainless Steel	ASTM A276 420
5	Bonnet Gasket	Rubber	NBR
6	In Hex. Bolt	Stainless Steel / Carbon Steel	AISI 304 / A194
7	Bonnet	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
8	O-Ring	Rubber	NBR
9	Thrust Bearing	Brass	ASTM B824
10	O-Ring	Rubber	NBR
11	O-Ring	Rubber	NBR
12	Bushing	Plastic	Nylon
13	Cover	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
14	Washer	Stainless Steel / Carbon Steel	AISI 304 / A194
15	Bolt	Stainless Steel / Carbon Steel	AISI 304 / A194
16	Dust Cover	Rubber	NBR
17	Cap Handwheel	Ductile Iron Carbon Steel	ASTM A536 A53
18	Bolt	Stainless Steel / Carbon Steel	AISI 304 / A194
19	Washer	Brass	ASTM B824



GVHX/GVCX: DIMENSION

														Unit mm			
DN	Model/No.	L	H	D			K			n-Ød			C			ØE	ØF
				PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25		
50	GVH(C)X-0050	178	220	165		165	125		125	4-Ø19		4-Ø19	19		19	30	150
65	GVH(C)X-0065	190	245	185		185	145		145	4-Ø19		8-Ø19	19		19	30	150
80	GVH(C)X-0080	203	298	200		200	160		160	8-Ø19		8-Ø19	19		19	30	200
100	GVH(C)X-0100	229	330	220		235	180		190	8-Ø19		8-Ø23	19		19	30	250
125	GVH(C)X-0125	254	376	250		270	210		220	8-Ø19		8-Ø28	19		19	30	250
150	GVH(C)X-0150	267	445	285		300	240		250	8-Ø23		8-Ø28	19		20	30	300
200	GVH(C)X-0200	292	510	340		360	295		310	8-Ø23	12-Ø23	12-Ø28	20		22	30	360
250	GVH(C)X-0250	330	615	405		425	350	355	370	12-Ø23	12-Ø28	12-Ø31	22		24.5	30	360
300	GVH(C)X-0300	356	695	460		485	400	410	430	12-Ø23	12-Ø28	16-Ø31	24.5		27.5	30	360

ORDER INFORMATION

GV H X - 0100 - 10 - D2 B

Loại - Model: _____

GV: Ty Chìm - *Non-Rising stem*

GR: Ty Nổi - *Rising stem gate valve*

Vận Hành - Operator: _____

H: Tay Quay - *Handwheel:*

C: Nắp Chụp - *Cap*

G: Hộp Số - *Wormgear*

Extra Connection: _____

X: Mặt Bích - *Flange*

B: Màu xanh - *Blue*

R: Màu đỏ - *Red*

D2: Gang cầu
- *Ductile Iron*

Mặt bích và áp lực:
Flange & pressure

10: PN10

16: PN16

25: PN25

1K: JIS 10K

A1: ANSI 150-LB

Valve Size:

0100 : DN100

0300 : DN300

Mô Tả/Descriptions

Van cổng động cơ điện được vận hành đóng mở bởi động cơ mô-tơ điện, đa dạng về chủng loại thích hợp với hầu hết yêu cầu công trình.

Điều khiển truyền động được kết nối đến bảng mạch tại phòng điều khiển, hoặc kết hợp với các mô-đun điều khiển từ xa qua hồng ngoại hay sóng radio. Tùy chọn dải điện áp đa dạng.

Electric motor gate valve is operated open and closed by electric actuator, variety of types suitable for most construction requirements.

Drive control is connected to the circuit board at the operating room, or in combination with remote control modules via radio band. Variable voltage solution.

Mã Sản Phẩm Product Code	EMD	
Kích Thước Size	DN50 - DN600	
Tiêu Chuẩn Thiết Kế Design Standard	BS 5163-1, BS EN 1074-1	
	AWWA C509	
	ISO 7259	
Tiêu Chuẩn Khoảng Cách 2 Mặt Bích Face To Face Standard	BS EN 558-1 TABLE 1 SERIES 3	
	ISO 5752 TABLE 1 SERIES 3	
	ASME B16.10	
Kiểu Kết Nối Connection End	MẶT BÍCH / FLANGE	
Tiêu Chuẩn Kết Nối Và Áp Suất Làm Việc Connection Standard And Pressure Rating	BS 4504 DIN 2632 DIN 2633	PN10, PN16, PN25
	JIS B2220	10K, 16K
	ASME B16.42	150LB
Sơn Phủ Paint Coating	Loại Sơn Type	EPOXY RESIN POWDER
	Tiêu Chuẩn Standard	JIS K 5551:2002 (TCVN 9014:2011)
	Màu Sắc Colour	XANH - ĐỎ BLUE - RED
	Độ Dày Thickness	250~300µm
Nhiệt Độ Làm Việc Working Temp	-10 ~ 80 °C	
Môi Trường Làm Việc Flow Media	Hệ Thống Nước / Water Systems	





- Standard IP68
Tiêu chuẩn IP 68
- Hall switch local control
Điều khiển cục bộ
- Non-intrusive digital control
Kỹ thuật số không xâm nhập
- Aluminium alloy
Nhôm hợp kim
- Anti corrosion epoxy powder coating
Chống ăn mòn
- High strength alloy worm gear
Bánh răng hợp kim chịu cường độ cao
- Absolute encoder
Mã hóa cao
- Remote control
Điều khiển từ xa
- LCD display
Màn hình LCD

Specification	
Protection	Standard IP68
Working	On/off S2~15 min, no more than 60 times starts / hour
	Modulating S4~25%, no more than 600 times trigger/ hour
Motor	Standard F class, built in heat sensors(135°C)
Input Signal	On/off AC/DC 24 contro input or AC 110/220V or optoelectronic isolator
	Modulating Input 4~20mA; 0~10V, 2~10V input impedance 250 Ω (4~20mA)
Feedback Signal Output	On/off ▪ Overall fault contact ▪ Close valve contact ▪ Open valve contact (Contact rating: 5A @ 250V_{ac})
	Modulating Output: 4 - 20 mA; 0 - 10 V; 2 - 10 V Output impedance: ≤ 750 Ω (4 - 20 mA)
Fault Signal	On/off Overall fault alarm: Power loss, motor over heat, lack of phase, over torque, signal loss, ESD protection, wiring terminal output
	Modulating Supports signal reversal, dead zone ≤ 2%
Position Display	LCD display (percentage% display)
Local Control	Buttons(Open/Stop/Close/Local/Remote) / Infrared remote controller
Manual Switch	Manual clutch
Operational Protection	Over torque; motor over heat; anti condensation heater; auto sequence correction(only for 3 phase)
Cable gland size	Standard 2-NPT3/4"(can upgrade to 2-NPT1") Optional 3-NPT3/4"(can upgrade to 3-NPT1")

Loại thông minh EMD-Y/Intelligence Type EMD-Y

EDM loại thông minh áp dụng cấp bảo vệ tiêu chuẩn IP 68 để chống lại môi trường ngoài trời khắc nghiệt. Tiêu chuẩn IP68 cũng là tùy chọn (Với độ sâu 7m trong 72 giờ).

EMD Intelligence type adopts standard IP 68 protection grade to combat the harsh outdoor environment. IP68 standard is also optional(With 7m depth for 72 hours).

EDM loại thông minh trở lên được thiết kế với bộ điều khiển chuyên đổi cục bộ, thực hiện chống xâm nhập và dễ dàng cài đặt truyền động.

EDM Intelligence type and above is designed with hall switch local control unit, achieving non-intrusive and easy actuator setup.

Vỏ sản phẩm sử dụng hợp kim nhôm chịu cường độ cao nhỏ gọn. Với nhiều loại phản hồi tín hiệu, nó phù hợp cho ứng dụng trong hệ thống điều khiển chung.

The product housing use high strength aluminium alloy that is very compact. With multiple type of signal feedback it is appropriate for application in common control system.

Torque(N.m)	100~610Nm (Direct output)
Speed (RPM)	50Hz 18、 24、 36、 48、 72、 96、 144
	60Hz 21、 29、 43、 57、 86、 115、 173
Voltage	3 phase: AC380V(±10%) 50/60Hz(±5%) 3 phase 3 wire 1 Phase 220V optional
Noise	Within 1m less than 70dB
Temperature	-30 °C ... +70 °C
Housing	Aluminium alloy
Coating	Epoxy powder coating
Mounting	Standard JB2920, Optional ISO5210 (A type or B type)